TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 8 - 2019
"*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Gẫm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tạ

Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền, Thư ký - Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp Vĩnh H, xã LĐ, thành phố TV, tỉnh TV.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Vĩnh H, xã LĐ, thành phố TV, tỉnh TV

Con chung: Cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/12/2007 (vắng mặt);

Cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 03/5/2014 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp Vĩnh H, xã LĐ, thành phố TV, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đức (số 81 ngày 28/4/2008), thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh năm 2008. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến

tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, nên chị B và anh C đã ly thân nhau cho đến nay. Nay, chị Lê Thị B yêu cầu được ly hôn với anh với anh Nguyễn Minh C.

Về con chung: Chị B và anh C có với nhau 02 người con chung tên là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/12/2007; Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 03/5/2014 hiện đang do anh C nuôi dưỡng, nay chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị B không yêu cầu anh Châu cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Minh C vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện tốt. Riêng anh Châu không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án; Thẩm phán thu thập chứng cứ, xây dựng hồ sơ chặt chẽ, đảm bảo thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện tốt các qui định tại các Điều của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử vụ án dân sự sơ thẩm.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B. Cho chị B được ly hôn với anh C; giao cháu Nguyễn Tấn P cho chị Bích nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Tấn Ph cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị B cấp dưỡng nuôi cháu Ph 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Ph tròn 18 tuổi. Chị B phải chịu án phí hôn nhân và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật của vụ án và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện chị Lê Thị B yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh C và yêu cầu được nuôi con chung, nên quan hệ pháp luật của vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" căn cứ vào khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Minh C có nơi cư trú ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a,

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ anh C và cháu P đến Tòa án để xem nguyện vọng của cháu P sống với anh C hay sống với chị B nhưng anh C và cháu P không đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên họp công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Anh C và cháu P vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh C và cháu P là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị B và anh Nguyễn Minh C xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống chị B và anh C sống chung hạnh phúc được một thời gian; đến tháng 8/2018 thì chị B và anh C phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị B và anh C đã ly thân nhau, trong suốt thời gian ly thân hai người bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị Lê Thị B và anh Nguyễn Minh C có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/12/2007 và Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 03/5/2014 hiện đang do anh C nuôi dưỡng (các cháu vẫn khỏe mạnh, không bị nhược điểm về tâm thần, thể chất). Tại phiên tòa hôm nay chị B yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Theo chị B khai cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/12/2007 hiện đang học lớp 7 tại xã Long Đức, nhằm để ổn định việc học tập của cháu P nên chị B đồng ý để anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu P là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 03/5/2014 mới tròn 05 tuổi chưa tự chăm sóc được bản thân, cần có sự chăm sóc giáo dục của mẹ nên chị B yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ giao cháu Ph cho chị chăm sóc nuôi dưỡng. Xét, về điều kiện nuôi dạy con chung, chị B thì có nghề nghiệp, có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị B, buộc anh C phải có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Tấn Ph cho chị B nuôi dưỡng, vì cháu Ph cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa hôm nay, chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu Ph, mà chị còn tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu

Nguyễn Tấn P. Xét thấy, sự tự nguyện này của chị B là không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị B khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị Lê Thị B phải chịu án phí hôn nhân và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B.

Cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/12/2007 cho anh Nguyễn Minh C tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Lê Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phúc 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 21/8/2019.

Buộc anh Nguyễn Minh C phải có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 03/5/2014 cho chị Lê Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu Ph nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị B và anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0002631 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Chị Lê Thị B còn phải có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Minh C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi anh C cư trú.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Gẫm

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- UBND xã Long Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.